

BỘ TÀI CHÍNH
Số: 15/2000/TT-BTC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 23 tháng 2 năm 2000

THÔNG TƯ

Hướng dẫn bổ sung và sửa đổi một số điểm trong Thông tư số 39 TC/TCT ngày 26 tháng 6 năm 1997 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Nghị định số 05/CP ngày 20 tháng 1 năm 1995 và Nghị định số 30/CP ngày 5 tháng 4 năm 1997 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh thuế thu nhập đối với người có thu nhập cao

Căn cứ Pháp lệnh sửa đổi một số Điều Pháp lệnh thuế thu nhập đối với người có thu nhập cao được Ủy ban thường vụ Quốc hội thông qua ngày 30/6/1999;

Căn cứ Nghị định số 170/1999/NĐ-CP ngày 6 tháng 12 năm 1999 của Chính phủ về sửa đổi một số Điều của Nghị định số 05/CP ngày 20/1/1995 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh thuế thu nhập đối với người có thu nhập cao;

Bộ Tài chính hướng dẫn bổ sung sửa đổi một số điểm của Thông tư số 39 TC/TCT ngày 26/6/1997 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Nghị định số 05/CP ngày 20 tháng 1 năm 1995 và Nghị định số 30/CP ngày 5 tháng 4 năm 1997 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh thuế thu nhập đối với người có thu nhập cao như sau:

1. Điểm 2 mục I được bổ sung vào đoạn cuối nội dung như sau:

Trường hợp trong hợp đồng qui định cá nhân nhận khoản thu nhập không có thuế thu nhập (thu nhập NET) thì thu nhập không có thuế sẽ được tính quy đổi thành thu nhập có thuế để làm căn cứ xác định thu nhập chịu thuế. Nếu cá nhân nhận thu nhập không có thuế mà trong đó thu nhập từ tiền lương chiếm từ 70% trở lên thì lấy thu nhập từ tiền lương để quy đổi thu nhập có thuế và sau đó cộng (+) thu nhập còn lại để xác định thu nhập chịu thuế thu nhập.

2. Điểm 4.1 mục I được sửa đổi như sau:

"Trợ cấp thôi việc được chi từ quỹ bảo hiểm xã hội" được thay thế bằng nội dung: "Trợ cấp thôi việc, trợ cấp mất việc cho các đối tượng theo quy định của Bộ luật lao động".

3. Điểm 4.2 Mục I được sửa đổi như sau:

"Thu nhập của chủ hộ kinh doanh cá thể đã thuộc diện chịu thuế thu nhập doanh nghiệp (thu nhập của họ không được tính vào chi phí khi xác định thu nhập chịu thuế)".

4.Điểm 1.2 mục II được sửa đổi như sau:

Thuế suất đối với thu nhập thường xuyên áp dụng theo qui định tại Khoản 3 Điều 1Pháp lệnh sửa đổi một số Điều Pháp lệnh thuế thu nhập đối với người có thu nhậpcao được UBTVQH thông qua ngày 6/2/1997 và Khoản 2 Điều 1 Pháp lệnh sửa đổi một số Điều Pháp lệnh thuế thu nhập đối với người có thu nhập cao được UBTVQH thôngqua ngày 30/6/1999.

Thuếthu nhập thường xuyên được tính theo phương pháp lũy tiến từng phần trong cácbậc thuế; phương pháp tính thuế lũy tiến từng phần được cụ thể hoá theo ví dụsau: Người Việt Nam có thu nhập bình quân tháng là 4.500.000đ, số thuế thu nhậpphải nộp là 450.000đ thì tiền thuế được tính như sau:

Bậc1 thu nhập đến 2.000.000đ không thu

Bậc2 thu nhập trên 2.000.000đ đến 3.000.000đ thuế suất 10%

Sốthuế phải nộp là: (3.000.000đ - 2.000.000đ) x 10% = 100.000đ

-Bậc 3 thu nhập trên 3.000.000đ đến 4.000.000đ thuế suất 20%

Sốthuế phải nộp là: (4.000.000đ - 3.000.000đ) x 20% = 200.000đ

Bậc4 thu nhập trên 4.000.000đ thuế suất 30%

Sốthuế phải nộp là: (4.500.000đ - 4.000.000đ) x 30% = 150.000đ

Tổng số tiền thuế thu nhập phải nộp là 450.000đ = (100.000đ 200.000đ 150.000đ)

Đề đơn giản thủ tục tính tiền thuế thu nhập phải nộp của các biểu thuế lũy tiếntừng phần được tính theo bảng hướng dẫn sau:

a.Tính thuế thu nhập thường xuyên đối với công dân Việt Nam và cá nhân khác định cư tại Việt Nam.

Đơn vị tính: đồng

Bậc	Thu nhập bình quân tháng	Thuế suất%	Thuế phải nộp
1	đến 2.000.000	0	0
2	Trên 2.000.000 đến 3.000.000	10	TNCT x 10% - 200.000
3	Trên 3.000.000 đến 4.000.000	20	TNCT x 20% - 500.000
4	Trên 4.000.000 đến 6.000.000	30	TNCT x 30% - 900.000
5	Trên 6.000.000 đến 8.000.000	40	TNCT x 40% - 1.500.000
6	Trên 8.000.000 đến 10.000.000	50	TNCT x 50% - 2.300.000